

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/4/2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1 - Ông **Nguyễn Quốc Hoàn;**

2 - Ông Võ Quang Truyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Kim Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1981; địa chỉ: Số X tổ Y ấp N 1, xã C, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1979; địa chỉ: Số J tổ Z ấp TP, xã T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:**

Bà L và ông B sống chung như vợ chồng với nhau từ năm 2010 không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất hòa, đời sống chung không còn hòa hợp. Nay bà L yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 01 người con tên Trần Tuấn M, sinh ngày 07/11/2011 hiện đang sống cùng ông B, khi ly hôn bà L yêu cầu giao con chung cho ông B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn B trình bày:

Ông B thống nhất với lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, chung sống với bà L từ năm 2009 không đăng ký kết hôn. Đời sống chung không hạnh phúc nên hiện tại ông bà đã ly thân, ông B đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông B thừa nhận ông và bà L có 01 người con tên Trần Tuấn M, sinh ngày 07/11/2011 từ trước đến nay sống ổn định với ông B, nay yêu cầu Tòa án công nhận cháu M là con chung giữa ông và bà L, giao cháu M cho ông B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà L và ông B. Về con chung: Giao cháu Trần Tuấn M cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ông B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết. Bà L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] **Về tố tụng:** Ông B cư trú tại Số J tổ Z ấp TP, xã T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà L, ông B tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2010, không có đăng ký kết hôn, là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp

luật thừa nhận và bảo vệ. Do vậy Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông bà là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ghi nhận bà L, ông B thống nhất có 01 người con tên Trần Tuấn M, sinh ngày 07/11/2011 hiện đang sống cùng ông B. Ông bà thống nhất giao cháu M cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời quá trình thu thập chứng cứ thể hiện cháu M có nguyện vọng sống với ba, do đó, Hội đồng xét xử giao cháu M cho ông B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành về việc giải quyết vụ án phù hợp với những nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Căn cứ Điều 14; Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Trần Thị L và ông Trần Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao cháu Trần Tuấn M, sinh ngày 07/11/2011 cho ông Trần Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông B không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông B, bà L không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0021038 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, bà L đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà L, ông B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA